

HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG VANSARAKKHITA

Bình Anson
TT.Thích Đồng Bổn

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 31-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Hòa thượng Hộ Tông (1893-1981), Maha Thera Vansarakkhita, có thể danh là Lê Văn Giảng, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1893, tại làng Tân An, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Ngài xuất thân trong một gia đình trung lưu trí thức, thân phụ là ông Lê Văn Như, thân mẫu là bà Đinh Thị Giêng.

Lúc thiếu thời, ngài theo gia đình sang lập nghiệp tại Phnom Penh (Nam Vang), thủ đô của Cam Bốt. Năm 16 tuổi ngài được tuyển vào học trường trung học Collège Sisowath. Sau khi đậu bằng trung học (diplome), ngài làm việc cho sở bưu điện và sở giáo dục. Năm 20 tuổi, ngài kết hôn với bà Võ Thị Nhung. Sau đó, ngài đi Hà Nội để học ngành thú y. Sau khi tốt nghiệp, ngài trở về Phnom Penh làm việc với chức vụ bác sĩ thú y.

Năm 34 tuổi, ngài được bổ nhiệm về tỉnh Soay Rieng, gần biên giới Việt Nam. Ngài phát tâm hướng về nghiên cứu con đường tu hành, con đường giải thoát. Ngài thử nhiều phương pháp, trong đó có những pháp môn ép xác như ăn cơm lạt với nước, ăn cơm với giấm, ăn toàn rau cải và trái cây, tuyệt dục, tu niệm chú, tu niệm Phật v.v. mà không thấy có kết quả tốt.

Do nhân duyên đưa đẩy, ngài đến gặp vị Phó Tăng Thống Cam Bốt tại chùa Unalom. Vị này cũng là giám đốc trường Cao đẳng Pali tại Phnom Penh. Sau khi nghe vị sư giảng về Bát-Chánh Đạo, ngài cảm thấy thơ thới hân hoan và phấn khởi. Vị sư còn giảng thêm rằng: "...Xưa kia chư Phật cũng nhờ tu theo Bát Chánh Đạo mà chứng ngộ đạo quả. Vậy ông nên tinh tấn hành đúng theo Con Đường Tám Chánh ấy, rồi một ngày nào khi phước duyên tròn đủ, ông cũng sẽ được giác ngộ, giải thoát." Vị sư giới thiệu ngài tìm đọc một quyển sách viết về Bát-Chánh Đạo bằng tiếng Pháp tại thư viện của chùa. Ngài đọc say mê và từ đó quyết tâm hành trì theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy Theravada. Trong thời gian kế tiếp, ngài tiếp tục lui tới chùa Unalom, học tập kinh điển Pali. Ngài được một vị thiền sư tại đó

truyền dạy pháp quán niệm hơi thở "anapanasati", và chẳng bao lâu, ngài đạt nhiều kết quả rất tốt trong việc nhập định.

Năm 1934, ngài về làm việc tại tỉnh Prey Veng. Nơi đây, ngài giúp thành lập Trung tâm Thiền định tại chùa Ruong Damrey và giảng dạy Phật Pháp và pháp môn hành thiền. Với ước vọng khuyến khích người Việt hành trì và xuất gia trong truyền thống Theravada, ngài bỏ công dịch quyển Luật Xuất Gia trong 2 năm, và sau đó soạn thêm quyển Kinh Nhứt Hành cho người tại gia cư sĩ, bằng tiếng Việt.

Năm 1936, ngài trở lại Phnom Penh, cùng với một nhóm bạn đạo cư sĩ người Việt tu bổ lại một chùa Bắc Tông cũ, tên là chùa Sùng Phước, để làm nơi truyền giảng đạo Phật Nguyên Thủy cho người Việt trên đất Cam Bốt. Năm 1940, sau khi được sự đồng ý của hiền thê, ngài quyết định xuất gia. Ngài xuất gia ngày 15 tháng 10 năm 1940, vị thầy truyền giới là vị Phó Tăng Thống Cam Bốt, và lấy pháp danh là Hộ-Tông (Vansarakkhita).

Trong thời gian ngài còn là cư sĩ, ngài thường về Việt Nam để truyền đạo, dạy thiền, và tạo nhiều quen biết với các cư sĩ Phật tử, trong đó có ông Nguyễn Văn Hiếu. Ông Hiếu là một người bạn đạo chí tình, thường xuyên trao đổi các kinh nghiệm tu học, và hết lòng ủng hộ, khuyến khích con đường hoàng pháp của ngài Hộ Tông. Năm 1939, ông tìm ra một thửa đất ở Gò Dưa, Thủ Đức, để cất chùa cho người Việt. Cuối năm 1940, ông thỉnh Tỳ kheo Hộ Tông về trụ trì, và sau đó, Hòa thượng Chuon Nath, Tăng Thống Cam Bốt, cùng một đoàn 30 vị tỳ kheo được mời thỉnh đến làm lễ kết giới Sima, và đặt tên là Chùa Bửu Quang (Ratana Ramsayarama). Từ đó, Tỳ kheo Hộ Tông cùng với các Tỳ kheo Việt Nam khác như ngài Bửu Chơn, Thiện Luật, Huệ Nghiêm bắt đầu truyền giảng Phật Pháp Nguyên Thủy cho người Việt tại Việt Nam.

Năm 1944, ngài trở sang Cam Bốt, thực hành hạnh du tăng đầu đà (dhutanga), chu du khắp nơi trong rừng sâu vắng vẻ, độc cư hành thiền. Năm 1949, ngài trở về Việt Nam. Lúc đó, chùa Bửu Quang đã bị lính Pháp tàn phá vào 2 năm trước (1947). Cùng với ông Hiếu, ngài tìm mua một thửa đất trống ở khu Bàn Cờ, quận Ba, Sài Gòn, và xúc tiến xây cất một ngôi chùa khác, rộng lớn hơn, ngay tại trung tâm thành phố, và đặt tên là Chùa Kỳ Viên (Jetavana Vihara). Chùa Kỳ Viên được hoàn tất vào năm 1950. Đồng thời, chùa Bửu Quang cũng được trùng tu lại vào năm 1951.

Năm 1954, cùng với Hòa thượng Bửu Chơn, ngài đến tham dự Đại hội Kết tập Tam Tạng Pali lần thứ VI tại Rangoon, Miến Điện, và có đọc diễn văn trong ngày bế mạc đại hội. Sau đó ngài đi thăm các thánh tích tại Ấn Độ, và dự các khóa tu học ngắn hạn về hành thiền và kinh điển Pali tại Tích Lan và Thái Lan.

Ngày 18 tháng 12 năm 1957, Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam được chính thức thành lập, đặt trụ sở tại Chùa Kỳ Viên, và toàn thể chư Tăng suy cử ngài vào chức vụ Tăng Thống của Giáo Hội, khóa I.

Trong suốt cuộc đời, từ khi bắt đầu thâm nhuần Phật Pháp, ngài luôn sống cho Đạo, vì Đạo, luôn luôn lo xây dựng thêm chùa, khuyến khích xuất gia, soạn thảo kinh sách, truyền giảng giáo pháp. Ngoài 2 chùa đầu tiên, ngài trực tiếp tham gia và đóng góp xây dựng nhiều chùa Nguyên Thủy khác như chùa Bửu Long (Thủ Đức), Tam Bồ (Lâm Đồng), Phi Nôm (Định Quán), Bồ Đề (Vũng Tàu), Tam Bảo (Đà Nẵng), Giác Quang (Chợ Lớn), Pháp Quang (Gia Định), Tăng Quang (Huế), Thiên Lâm (Huế), Nguyên Thủy (Vàm Ông Tố), Long Khánh (Bà Rịa), v.v.

Trong suốt bốn mươi một hạ của tỳ kheo, ngài không bao giờ rời kinh sách. Mỗi nơi ngài đến ngụ đều có một tủ kinh. Ngài sống một đời giản dị, ba y một bát như một vị tỳ kheo mẫu mực của truyền thống Nguyên Thủy. Hằng đêm, ngài thức giấc lúc 3 giờ sáng, tụng niệm và tham thiền. Sau đó bắt đầu viết và phiên dịch kinh sách, không lúc nào chênh mảng. Các tác phẩm của ngài gồm:

Luật Xuất Gia, quyển 1 và 2
Nhật Hành của người tại gia tu Phật
Cư sĩ thực hành
Vi Diệu Pháp vấn đáp
Nền tảng Phật Giáo
Sơ thiền tâm
Thanh Tịnh kinh
Tứ Diệu Đế
Bát Chánh Đạo
Thập Độ Ba-la-mật
Thiền Định
Pháp trích yếu
Phật ngôn
Triết lý về Nghiệp

Phật Giáo chánh lời Phật thuyết
v.v.

Ngài sang Pháp năm 1980, nhưng sau đó lại quyết định trở về Việt Nam năm 1981 và ngụ tại chùa Bửu Long, Thủ Đức. Tại đây dù tuổi già sức yếu, ngài lại ra công giúp tu bổ chùa.

Ngày 25 tháng 8 năm 1981 (26 tháng 7, Tân Dậu) trước những giờ phút cuối cùng, ngài vẫn minh mẫn giảng dạy các vị tỳ kheo đệ tử về pháp hành thiền quán niệm hơi thở. Sau đó, ngài bảo vị đệ tử thân cận đọc kinh rải tâm Từ và ngài từ từ nhắm mắt. Trong một khoảnh khắc, ngài mở hé mắt nhìn lên trời rồi nhắm lại, an lành viên tịch. Lúc đó là 16 giờ 45 phút. Ngài hưởng thọ 89 tuổi đời, 41 tuổi đạo.

Bình Anson
tháng 6, 1999

Tham khảo

[1] Nguyễn Văn Hiếu, 1971. Công tác xây dựng Phật Giáo Nguyên Thủy tại Việt Nam

[2] Lê Minh Qui, 1987. Hòa thượng Hộ Tông

[3] Thích Đồng Bổn, 1995. Tiểu sử Danh tăng Việt Nam

-- o0o --
Hết